

Số: 63 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn
tỉnh Đồng Nai năm 2025**

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh tỉnh Đồng Nai năm 2025; Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025.

Trên cơ sở Kế hoạch số 8264/KH-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025, Văn bản số 14120/UBND-KTN ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 8264/KH-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021, Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về truyền thông Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 121/KH-

UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2025, như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- a) Có ít nhất 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.
- b) Có ít nhất 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; vượt mục tiêu có 25% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- c) 100% số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu không bị thu hồi Quyết định công nhận; trong đó, 40% số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo các Bộ tiêu chí giai đoạn 2016 - 2020 đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.
- d) Có 03 huyện hoàn thành hồ sơ nông thôn mới nâng cao.
- đ) Huyện Xuân Lộc hoàn thành đề án thí điểm huyện nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2025.
- e) 100% số huyện, thành phố Long Khánh đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới không bị thu hồi Quyết định công nhận.
- g) Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt chuẩn khu vực nông thôn đạt 85%, trong đó sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt 55%.
- h) Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%.
- i) Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề khu vực nông thôn đạt 55%.
- k) Giảm 0,07% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.
- l) Lũy kế có ít nhất 90 khu dân cư được công nhận đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

- a) Phấn đấu giảm 15% hộ nghèo A/trên tổng số hộ nghèo A đầu giai đoạn 2021 - 2025. Bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách, dự án thuộc chương trình giảm nghèo theo quy định, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo, hộ nghèo.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 0,07% giai đoạn 2022 - 2025 theo Quyết định số 652/QĐ-TT ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

- b) Các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Phần đầu giảm số hộ nghèo A/tổng số hộ nghèo A cuối năm 2025 đạt 15% so với tổng số hộ nghèo A giai đoạn 2022 - 2025.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 0,07% giai đoạn 2022 - 2025 theo Quyết định số 652/QĐ-TT ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Phần đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

c) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

- + 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- + 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (chưa có việc làm) có nhu cầu làm việc được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 99% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia mua bảo hiểm y tế miễn phí 100%; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo xuống dưới 4%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

- + Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 90%.

- + Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt trên 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt trên 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: Trên 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 92% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- a) Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 2%.
- b) Giải quyết 50% nhu cầu tối thiểu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, giáo dục, chuyển đổi nghề và đào tạo nghề giải quyết việc làm của các hộ dân tộc thiểu số, hộ nghèo, cận nghèo; xóa nhà tạm cho trên 35% số hộ dân tộc thiểu số nghèo.
- c) Trên 50% ấp có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa.
- d) Trên 50% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng và duy tu bảo dưỡng.
- đ) Trên 90% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp.
- e) Trên 70% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
- g) 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình, nghe đài phát thanh và điện thoại liên lạc.
- h) Trên 90% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế.
- i) Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.
- k) Trên 80% ấp/khu phố có nhà văn hóa - khu thể thao; 50% ấp/khu phố có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

a) Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa

- Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh hoặc lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Từng bước lập quy hoạch phân khu và chi tiết xây dựng (sau quy hoạch chung xây dựng xã) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn.

- Nội dung 02: Rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng, huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, trong đó có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Nội dung 03: Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng, miền

- Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện.

- Nội dung 02: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng, chống thiên tai cấp huyện, cấp xã, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nội dung 03: Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan.

- Nội dung 04: Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung 05: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa - thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn.

- Nội dung 06: Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; các chợ trung tâm, chợ đầu mối.

- Nội dung 07: Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, cơ sở hạ tầng các cụm làng nghề, ngành nghề nông thôn.

- Nội dung 08: Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện.

- Nội dung 09: Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn (theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).

- Nội dung 10: Xây dựng hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định.

- Nội dung 11: Thu hút các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý chất thải theo quy hoạch; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp; trong đó có phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, ấp.

c) Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững

- Nội dung 01: Tập trung triển khai cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và Phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội.

- Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Nội dung 03: Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách đầu tư để bảo vệ, phát triển rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025; chú trọng đẩy mạnh phát triển các mô hình liên kết trồng rừng gỗ lớn tập trung, gắn với cấp chứng chỉ rừng bền vững; phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng vùng.

- Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các ngành nghề truyền thống ở nông thôn.

- Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất, trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp.

- Nội dung 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối xúc tiến tiêu thụ sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng địa phương, đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Nội dung 07: Lồng ghép triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị.

- Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường, hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn

d) Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

- Nội dung 01: Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ 2021 - 2025.

- Nội dung 02: Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, nhà dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư.

đ) Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

- Nội dung 01: Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn, trong đó chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học ở mức độ 3, duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo

dục trung học cơ sở mức độ 1, tiến tới công nhận phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15 - 60 tuổi.

- Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

e) Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn

- Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa, văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

- Nội dung 02: Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.

g) Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục hình ảnh, cảnh quan truyền thống của nông thôn Đồng Nai

- Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các đề án/kế hoạch phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh.

- Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa.

- Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên.

- Nội dung 04: Cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng mới và mở rộng các cơ sở mai táng, hỏa táng phải phù hợp với các quy định và theo quy hoạch.

- Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn phù hợp với đặc trưng địa phương; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

tập trung phát triển các mô hình áp, sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu.

- Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”.

h) Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

- Nội dung 01: Triển khai bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung 02: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh); bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.

- Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025. Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.

- Nội dung 05: Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

- Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

i) Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới

- Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng

các chi hội nông dân nghề nghiệp, tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng” (“5 tự” gồm: Tự nguyện, tự giác, tự chủ, tự quản, tự chịu trách nhiệm; “5 cùng” gồm: Cùng lĩnh vực lao động, ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; cùng mối quan tâm; cùng có sự chia sẻ; cùng trách nhiệm; cùng hưởng lợi).

- Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình “Trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới”.

- Nội dung 05: Vun đắp, giữ gìn giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” (5 không: Không đói nghèo, không có người thân vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, không vi phạm chính sách dân số, không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học; 3 sạch: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ).

k) Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, An ninh và trật tự xã hội nông thôn

- Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngày từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế để hình thành “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Nội dung 02: Xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ vững mạnh toàn diện “Mẫu mực tiêu biểu” rộng khắp từ cấp xã, cấp huyện, đến tỉnh hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện “Mẫu mực tiêu biểu” đảm bảo giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới.

l) Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới

- Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý chương trình, đặc biệt là xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng.

- Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở.

- Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng nông thôn mới; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung 05: Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới”.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo.

b) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng.

- Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.

c) Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững.

- Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Không còn vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững.

d) Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

đ) Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.

- Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin.

- Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

e) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

- Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình.

- Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

b) Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

c) Dự án 3: Phát triển nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, gồm 2 Tiểu dự án và 2 nội dung:

- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gồm 02 nội dung:

+ Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

+ Nội dung số 2: Hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế - xã hội, mô hình bộ đội gắn với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gồm 02 nội dung:

- Nội dung số 01: Đối với tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã, ấp vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nội dung số 2: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

đ) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gồm 04 tiểu dự án và 02 nội dung, cụ thể:

- Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố hoạt động các trường phổ thông dân tộc nội trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gồm 02 nội dung:

+ Nội dung số 1: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú.

+ Nội dung số 2: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình các cấp.

e) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, gồm 02 nội dung:

- Nội dung số 1: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số.

- Nội dung số 2: Phát triển du lịch kết hợp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống vùng dân tộc thiểu số.

g) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

h) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em người dân tộc thiểu số, gồm 04 nội dung:

- Nội dung số 1: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em người dân tộc thiểu số.

- Nội dung số 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em người dân tộc thiểu số.

- Nội dung số 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện xã hội; hỗ trợ phụ nữ trong tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Nội dung số 4: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng ấp, các chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng người dân tộc thiểu số.

i) Dự án 9: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, gồm 03 tiểu dự án và 06 nội dung:

- Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò cho người uy tín; phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai Chương trình, gồm 02 nội dung:

+ Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

+ Nội dung số 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng dân tộc thiểu số và miền núi, gồm 04 nội dung:

+ Nội dung số 01: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin, chú trọng các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh trật tự và an toàn xã hội.

+ Nội dung số 02: Nâng cấp nền tảng công nghệ thông tin phục vụ việc quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương.

+ Nội dung số 03: Hỗ trợ smartphone cho đồng bào dân tộc thiểu số để khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin về công tác dân tộc.

+ Nội dung số 04: Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách.

- Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Dự kiến tổng vốn thực hiện Chương trình năm 2025 là 210.755.996 triệu đồng, trong đó:

a) Ngân sách tỉnh: 2.031.110 triệu đồng (gồm: Nguồn vốn đầu tư công bố trí cho các khu vực nông thôn lồng ghép 2.008.184 triệu đồng, vốn sự nghiệp bố trí trực tiếp cho Chương trình 22.926 triệu đồng).

b) Ngân sách cấp huyện, cấp xã: 3.624.886 triệu đồng (nguồn vốn lồng ghép trong kế hoạch đầu tư công).

c) Vốn tín dụng (dư nợ cho vay): 152.000.000 triệu đồng.

d) Vốn doanh nghiệp: 45.000.000 triệu đồng.

d) Vốn nhân dân đóng góp: 8.100.000 triệu đồng.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình năm 2025 là 198.490 triệu đồng, trong đó:

- a) Vốn ngân sách tỉnh: 5.253 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- b) Vốn ngân sách cấp huyện: 1.237 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- c) Vốn tín dụng: 175.000 triệu đồng.
- d) Vốn lồng ghép với các chương trình khác: 0 triệu đồng
- đ) Nguồn vốn đối ứng, huy động đóng góp: 17.000 triệu đồng.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Dự kiến tổng vốn thực hiện Chương trình năm 2025 là 400.649 triệu đồng, trong đó:

- a) Ngân sách tỉnh: 258.980 triệu đồng (gồm: Vốn đầu tư công 146.088 triệu đồng, vốn sự nghiệp 112.892 triệu đồng).
- b) Vốn tín dụng: 112.593 triệu đồng.
- c) Vốn huy động nhân dân: 3.178 triệu đồng.
- d) Dự phòng 5% kinh phí thực hiện các dự án của Chương trình 12.949 triệu đồng.
- đ) Kinh phí quản lý dự án: 12.949 triệu đồng.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, phong trào “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025.

b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế; chỉ đạo các địa phương chủ động cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững.

c) Chỉ đạo, phối hợp thực hiện hiệu quả 11 nội dung của Chương trình; 06 Chương trình, dự án chuyên đề trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn và giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại trong xây dựng nông thôn mới (môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch nông thôn, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, hỗ trợ các doanh nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch nông thôn...).

d) Huy động các nguồn lực thực hiện.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định. Bố trí nguồn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình, trong đó ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước được phân bổ đầu tư cho các địa bàn khó khăn để góp phần thu hẹp khoảng cách xây dựng nông thôn mới giữa các địa phương. Ngân sách tỉnh gồm kinh phí sự nghiệp

bố trí trực tiếp thực hiện các nội dung thành phần, các chương trình chuyên đề để phục vụ Chương trình và nguồn vốn đầu tư công thực hiện lồng ghép bố trí cho các xã, huyện dự kiến đạt chuẩn năm 2025. Ngân sách cấp huyện, cấp xã phải bố trí đủ để các huyện, các xã đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Ưu tiên nguồn vượt thu, kết dư... cho chương trình nông thôn mới. Khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 để hỗ trợ các địa phương hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới đề ra.

- Thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; bổ sung nguồn vốn tín dụng cho hệ thống quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và huy động tối đa nguồn lực từ hệ thống quỹ hỗ trợ hợp tác; nghiên cứu, rà soát, sửa đổi bổ sung nội dung, đối tượng hỗ trợ cho vay phát triển chương trình OCOP, hỗ trợ áp dụng công nghệ chế biến vừa và nhỏ trong nông nghiệp, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trong các chương trình tín dụng chính sách hiện có, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; cân đối bổ sung nguồn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để tăng cường nguồn lực cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác nhằm thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ các địa phương (huyện, xã) thực hiện xây dựng nông thôn mới; vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án, nội dung cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

đ) Tiếp tục tăng cường các hoạt động vận động các nhà tài trợ quốc tế, các tổ chức phi chính phủ (NGOs) hỗ trợ nguồn lực, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện các nội dung liên quan đến những vấn đề cấp thiết của Chương trình và phù hợp với xu thế phát triển chung của các nước khác trên thế giới. Đồng thời, tranh thủ các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại... để tăng thêm nguồn lực đầu tư cho Chương trình.

e) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Thực hiện cơ chế quản lý, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo quy định của Trung ương, của tỉnh.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái” của dân tộc đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

c) Đổi mới phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “tỉnh Đồng Nai không còn hộ nghèo”.

d) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Tránh đầu tư dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành.

đ) Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã xây dựng và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng. Lồng ghép nguồn lực thực hiện từ các chương trình mục tiêu quốc gia khác, các đề án, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội vào Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo và hộ có khó khăn đặc thù.

b) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

d) Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

đ) Hải hòa các cơ chế, quy trình áp dụng thống nhất trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung đầu tư có định mức cao hơn để tổ chức thực hiện đối với các đối tượng thụ hưởng; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

e) Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

g) Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách nhà nước đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định; có giải pháp huy động hợp lý các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài. Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

h) Về công tác tuyên truyền: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người dân tộc thiểu số, nhất là người dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công và Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã, thị trường gắn với tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng và hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản bền vững quy mô cấp tỉnh, cấp vùng để phát triển và nhân rộng Chương trình OCOP.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương thúc đẩy xây dựng và hình thành các cơ sở bảo quản, sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ nông sản để phát triển và nhân rộng.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, các địa phương, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công (ngân sách tỉnh) theo quy định của Luật Đầu tư công đảm bảo hoàn thành mục tiêu thực hiện Chương trình năm 2025.

c) Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp) đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ năm 2025.

d) Các sở, ban, ngành

- Hướng dẫn xây dựng và đề xuất mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể thực hiện các nội dung Kế hoạch hàng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định.

- Lập kế hoạch vốn ngân sách tỉnh hàng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp theo quy định.

- Hướng dẫn các địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

- Ưu tiên lồng ghép các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao để góp phần thực hiện các nội dung thành phần và các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo phân công.

- Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, hỗ trợ các địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu theo phân công.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng, ban hành kế hoạch và bố trí kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 trên địa bàn các huyện, thành phố Long Khánh đảm bảo hoàn thành mục tiêu đến năm 2025.

- Chỉ đạo, phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các phòng, ban trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, nghiên cứu, khuyến khích các xã có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các xã khó khăn đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành trên tinh thần tự nguyện, không huy động quá sức dân và không để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản của Chương trình.

- Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ xã thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện định kỳ và đột xuất theo quy định.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình giảm nghèo; chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa, Long Khánh tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình theo quy định.

- Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình năm 2025, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

- Xây dựng phương án giao chỉ tiêu phân đầu giảm nghèo, nhiệm vụ cụ thể để thực hiện Chương trình cho các huyện, thành phố gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

- Hướng dẫn các sở, ngành liên quan và các huyện, thành phố thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các huyện, thành phố quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình ở cấp huyện, cấp xã; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm, đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết giai đoạn 2021 - 2025 vào cuối năm 2025 và báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách tỉnh), đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình năm 2025.

c) Các sở, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội):

- Hướng dẫn xây dựng, tổ chức thực hiện dự án, tiểu dự án; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025 giao cho các huyện, thành phố thực hiện đối với dự án được giao phụ trách, tổng hợp kết quả thực hiện; gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

- Lập kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025 để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc chương trình được phân công chủ trì.

- Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và sở, ban, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của Chương trình chủ trì theo quy định, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao hàng tháng, quý, năm gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

- Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

d) Các sở, ban, ngành tham gia thực hiện Chương trình: Nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình giảm nghèo với các chương trình, dự án, đề án khác được giao bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo, trùng lặp.

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ Chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo cấp huyện theo quy định; chỉ đạo cấp xã kiện toàn Ban Giảm nghèo, bố trí công chức lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội làm công tác giảm nghèo.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phân công các tổ chức, đoàn thể, cán bộ, công chức giúp đỡ, hỗ trợ từng hộ nghèo, cận nghèo nhằm giúp các hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình hàng năm và cả giai đoạn để tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện tốt Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn cấp huyện.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về các chủ trương, chế độ, kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững của địa phương.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Ban Dân tộc tỉnh

- Cơ quan thường trực quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện các dự án, tiểu dự án Chương trình; tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức các cấp tham gia triển khai thực hiện Chương trình.

- Tổng hợp, dự toán chi tiết thực hiện và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình năm 2025 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chủ trì xây dựng phương án giao chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2025 để thực hiện Chương trình cho cấp huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn cấp huyện thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và cấp huyện hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Định kỳ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện gửi Ủy ban Dân tộc, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Trên cơ sở đề xuất của Ban Dân tộc tỉnh, các cơ quan, đơn vị; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công (ngân sách tỉnh) theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện Chương trình năm 2025.

c) Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm, tổng hợp kinh phí (vốn sự nghiệp) từ nguồn ngân sách địa phương để đảm bảo hoạt động của Chương trình.

- Cân đối, bố trí đủ vốn sự nghiệp và có kế hoạch bổ sung vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì, hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

d) Các sở, ban, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản xây dựng kế hoạch, tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách; triển khai thực hiện vào báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh) kết quả thực hiện theo quy định.

- Chủ động phối hợp Ban Dân tộc tỉnh triển khai hướng dẫn thực hiện các dự án, tiểu dự án Chương trình; tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức các cấp tham gia triển khai thực hiện Chương trình được phân công chủ trì.

- Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Phối hợp Ban Dân tộc tỉnh và sở, ban, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chủ trì theo quy định gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện, cấp xã; thành lập các tổ cộng đồng triển khai thực hiện Chương trình.

- Rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng, hạng mục dự án, tiểu dự án, nội dung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Ban Dân tộc tỉnh) để phân bổ nguồn vốn thực hiện.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn, bố trí nguồn vốn

đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cấp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Tiếp tục nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp tục phối hợp tuyên truyền, vận động nâng cao vai trò chủ thể của người dân trong tham gia xây dựng nông thôn mới, toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (chủ dự án) báo cáo định kỳ tình hình thực hiện mục tiêu, kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 (nguồn vốn Trung ương (nếu có), nguồn vốn địa phương, nguồn vốn khác) gửi về Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo tháng gửi trước ngày 15 hàng tháng, báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 20 tháng 5 năm 2025, báo cáo năm gửi trước ngày 20 tháng 11 năm 2025.

2. Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp báo cáo chung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 theo định kỳ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp) báo cáo các cơ quan Trung ương theo quy định: Báo cáo tháng gửi trước ngày 18 hàng tháng, báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 05 tháng 6 năm 2025, báo cáo năm gửi trước ngày 05 tháng 12 năm 2025. Trường hợp nội dung báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh liên

quan đến phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách của Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo phụ trách sẽ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, tổng hợp báo cáo, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp) xem xét, chỉ đạo theo quy định. /*le*

Nơi nhận:

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Ủy ban Dân tộc;
 - Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương;
 - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
 - Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
 - Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Thành viên BCD CTMTQG tỉnh (theo Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh);
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN, KTNS, KGVX (N, T).
- <Tannd T02.2025>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức